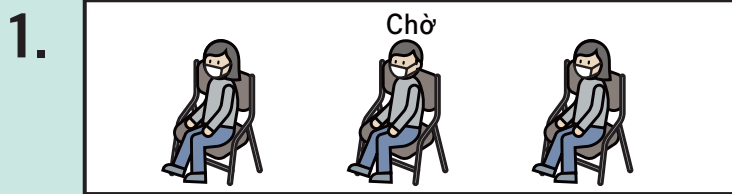
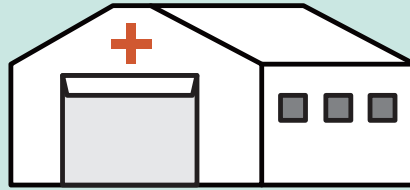


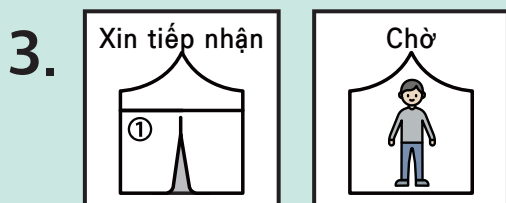
Trạm Xét Nghiệm



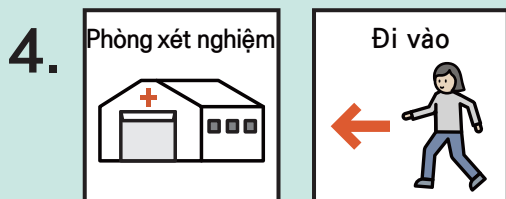
Chờ.



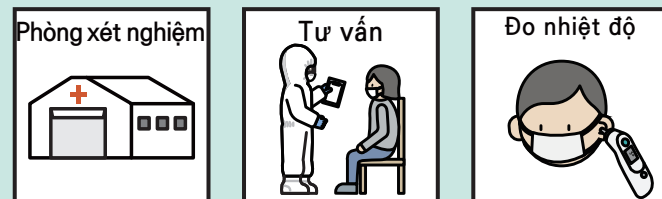
Tiếp nhận.



Chờ trong khu vực chờ.



Đi vào phòng xét nghiệm



Đo nhiệt độ sau khi tư vấn trong phòng xét nghiệm.



Xét nghiệm đờm, lấy dịch miệng và mũi bằng tăm bông.

1. Thông tin cá nhân

1.

Giấy tờ tùy thân



Đưa



Đưa giấy tờ tùy thân.

2.

Hiện tại



Sống



Địa chỉ



Phải không





Đây có phải là địa chỉ bạn đang sống không?

Địa chỉ



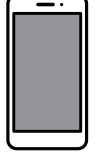
Nói



Nói cho tôi địa chỉ của bạn.

3.

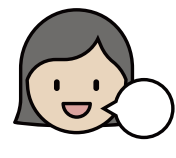
Điện thoại



Số điện thoại

010-0000
-0000

Nói



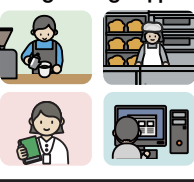
Nói cho tôi số điện thoại của bạn.

4.

là gì



Nghề nghiệp





Nghề nghiệp của bạn là gì?

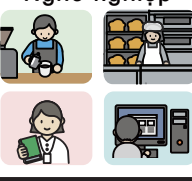
Trước đây



là gì



Nghề nghiệp

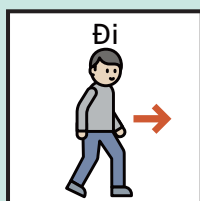




Nghề nghiệp trước của bạn là gì?

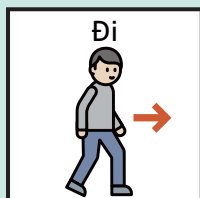
2. Du lịch

1.



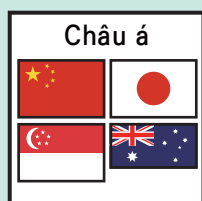
?

Bạn đã từng đi nước ngoài không?



?

Bạn đã đi đâu?



2.



?

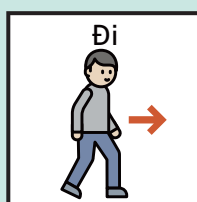
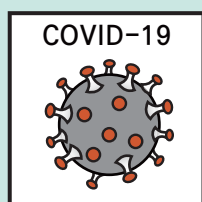
Bạn có phải là tín đồ của Tân Thiên Địa không?



?

Bạn tham dự thánh lễ lần cuối là khi nào?

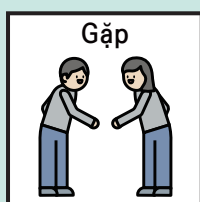
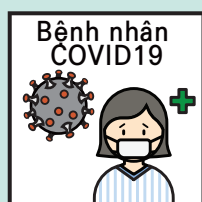
3.



?

Bạn đã từng đi đến vùng dịch COVID-19?

4.

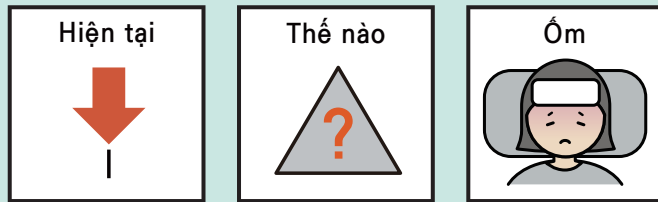


?

Bạn có từng gặp bệnh nhân COVID-19?

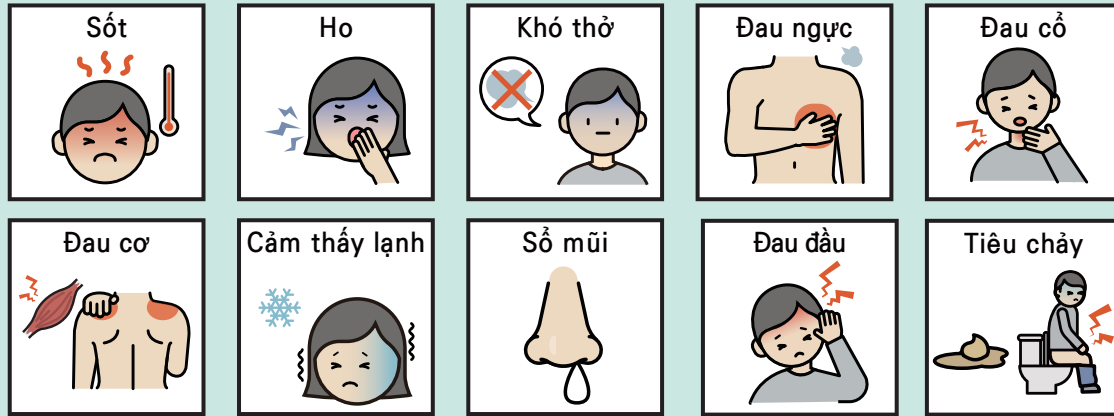
3. Triệu chứng

1.

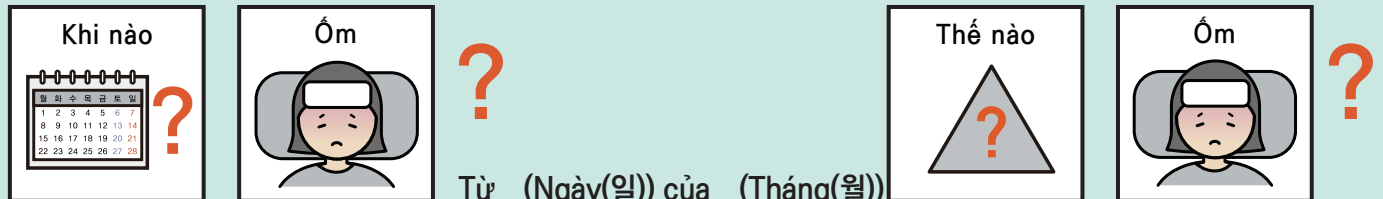


?

Hiện tại bạn cảm thấy ốm thế nào?



2.



Từ __ (Ngày(일)) của __ (Tháng(월))

Bạn bắt đầu ốm khi nào?

Bạn bị ốm thế nào?

3.



Bạn đã uống thuốc nào chưa?

Bạn đã uống thuốc hạ sốt chưa?

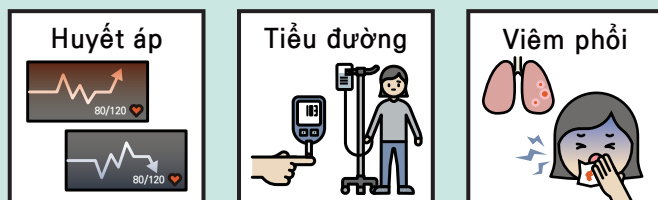
4.



Bạn có hút thuốc không?

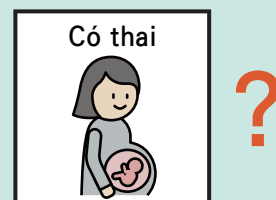
Bạn hút thuốc nhiều không?

5.



Bạn có bệnh huyết áp, tiểu đường hay viêm phổi không?

6.



Bạn có đang mang thai không?

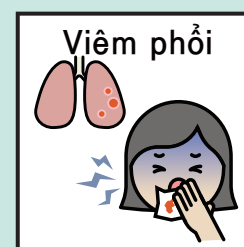
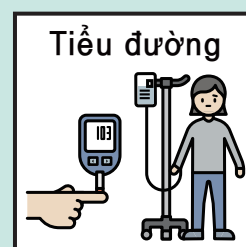
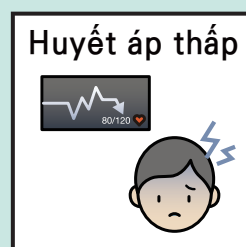
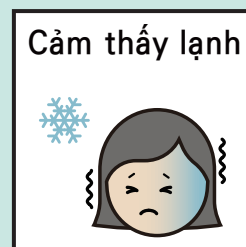
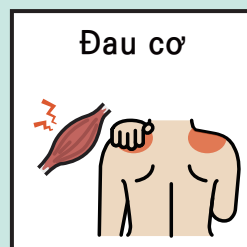
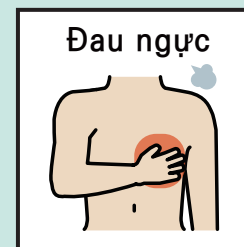
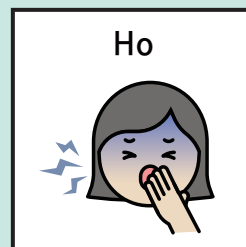
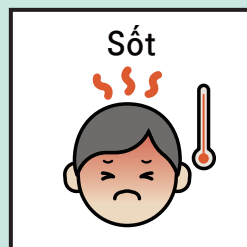
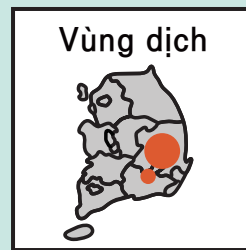
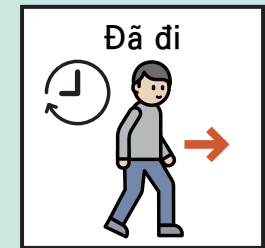
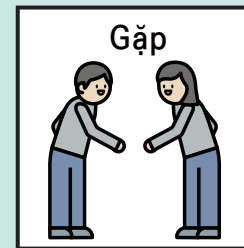
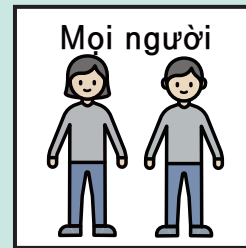
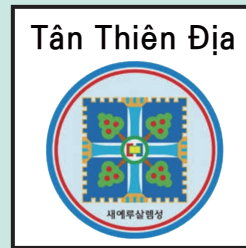
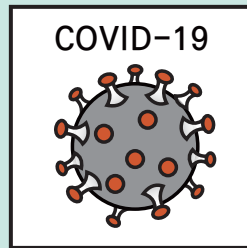
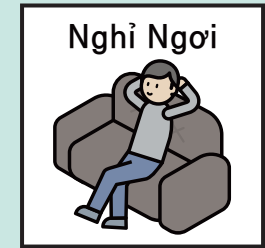
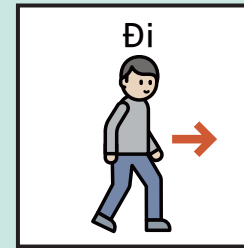
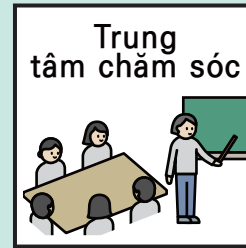
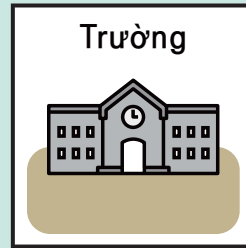
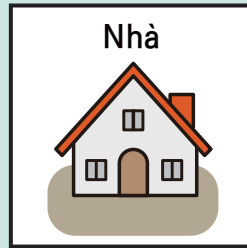
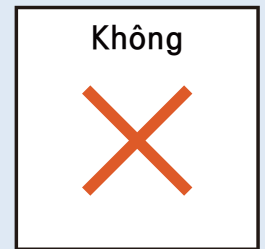
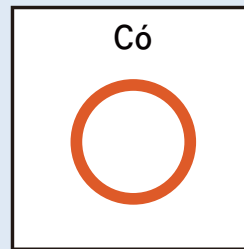
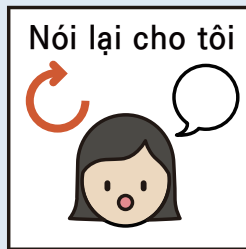
Xin cho tôi bút và giấy	Xác nhận lại?	Tôi không biết	Có	Không
----------------------------	------------------	-------------------	----	-------

1	2	3	4	5	Đ.Thoại.	010.80
6	7	8	9	0	Số điện thoại	Ngày
					Tháng	Tuần
						Thuốc lá

ㄱ	ㄴ	ㄷ
ㄹ	ㅁ	ㅂ
ㅅ	ㅇ	ㅈ
ㅊ	ㅋ	ㅌ
ㅍ	ㅎ	Spacing

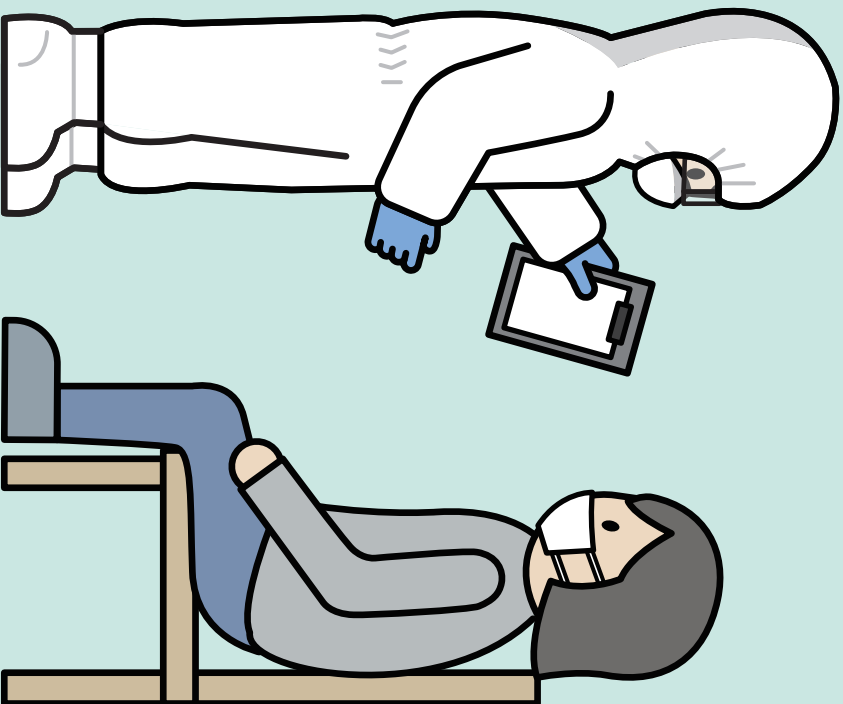
ㅑ	ㅓ
ㅕ	ㅗ
ㅛ	ㅜ
ㅝ	ㅠ
ㅡ	ㅣ

COVID-19	Tân Thiên Địa	Mọi người	Chuyển đi	Nghỉ ngơi
Nước ngoài	Vùng dịch	Địa điểm	Gặp gỡ	Đã đi
Sốt	Ho	Khó thở	Tức ngực	Đau cổ
Đau cơ	Cảm thấy lạnh	Chảy mũi	Đau đầu	Tiêu chảy
Huyết áp cao	Huyết áp thấp	Tiểu đường	Viêm phổi	Uống thuốc
Tôi có thể bị run khi được khám				

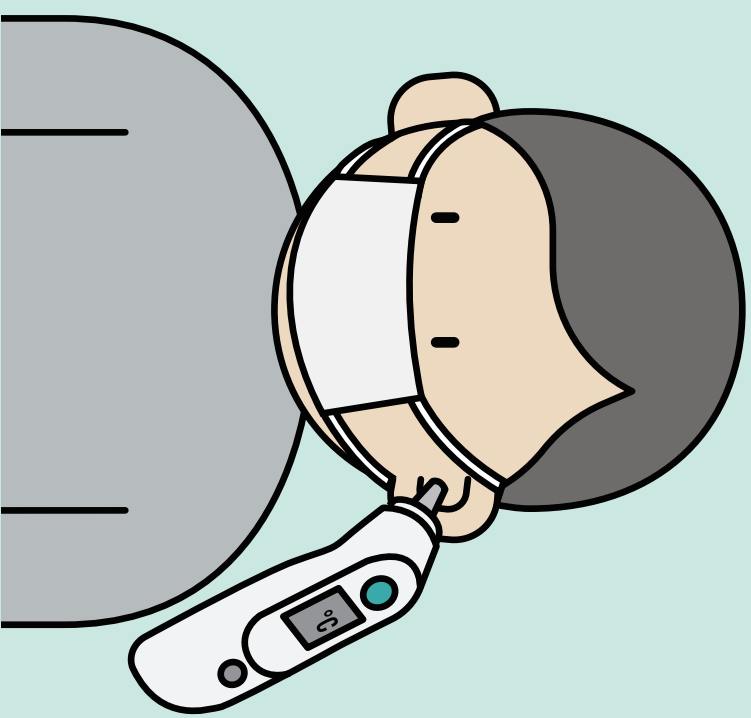


Phòng khám 1

1. Được bác sĩ tư vấn



2. Kiểm tra nhiệt độ cơ thể



연구/개발: 사람과 소통

연구자
AACREI

Dịch:

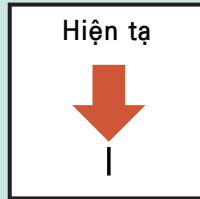


제작/보급: 한국보건

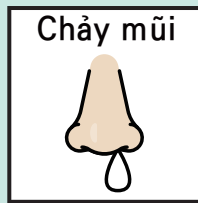
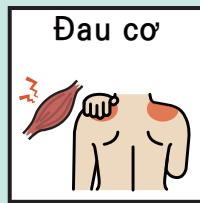
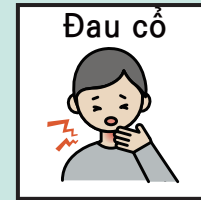
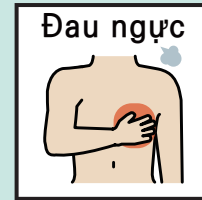
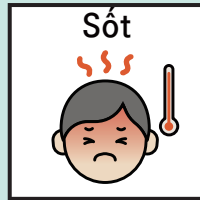
도움: 은평구보건소

Tham khảo ý kiến nhân viên y tế

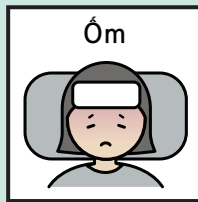
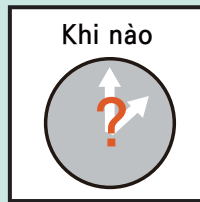
1.



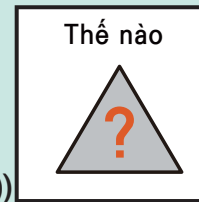
Hiện tại bạn cảm thấy ốm thế nào?



2.



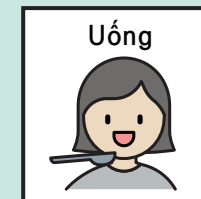
Từ_(Ngày(일)) của_(Tháng(월))



Bạn bắt đầu ốm khi nào?

Bạn bị ốm như thế nào?

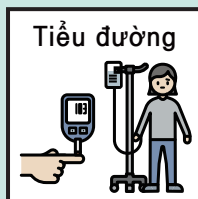
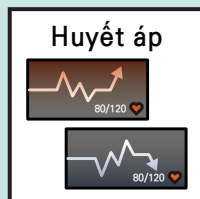
3.



Bạn đã uống thuốc nào chưa?

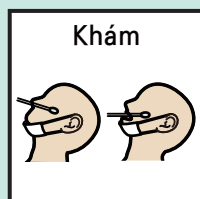
Bạn đã uống thuốc hạ sốt chưa?

4.



Bạn có bệnh huyết áp, tiểu đường hay viêm phổi không?

5.

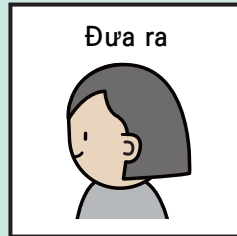
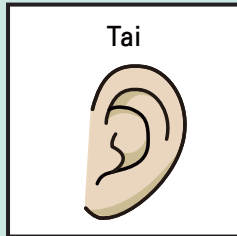


Bạn có đột nhiên bị run rẩy khi khám không?

Kiểm tra nhiệt độ cơ thể

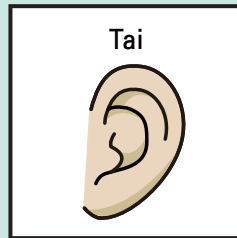


1.



Đưa tai của bạn cho tôi.

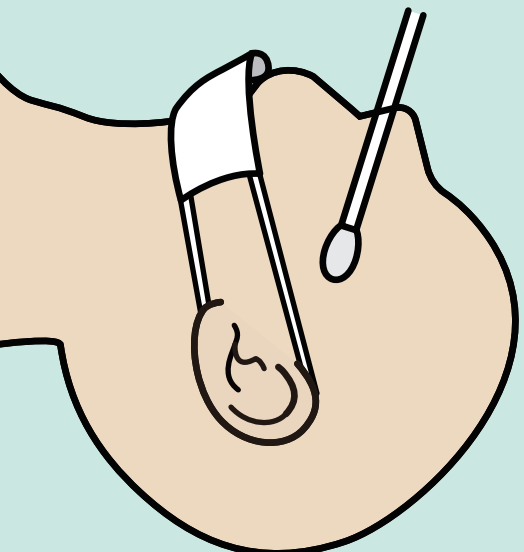
2.



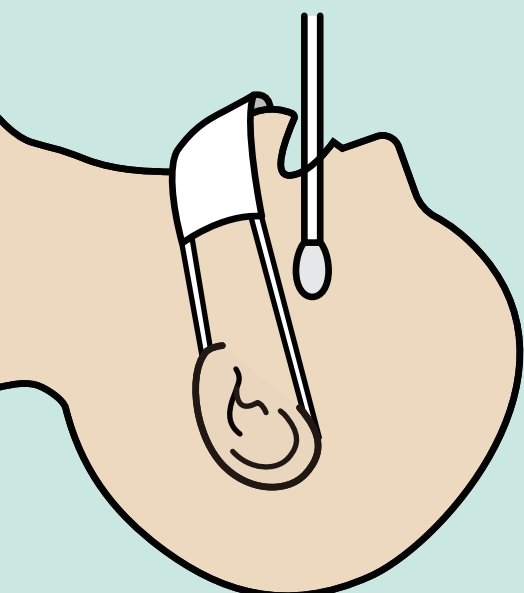
Bác sĩ sẽ kiểm tra nhiệt độ cơ thể của bạn.

Phòng khám 2

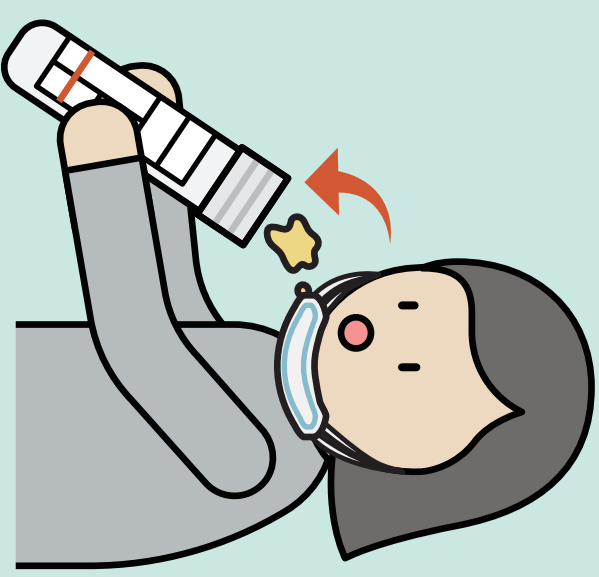
1. Xét nghiệm dịch mũi



2. xét nghiệm dịch miệng



3. Xét nghiệm đờm



연구/개발: 사람과 소통

연구자
AACHA

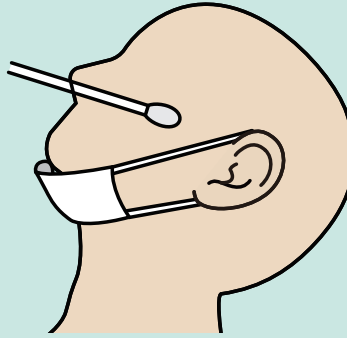
Dịch:



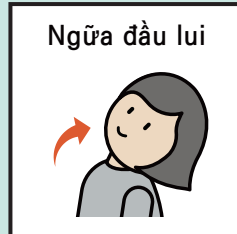
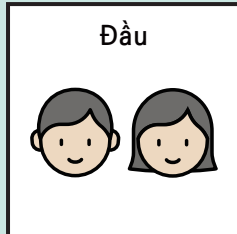
제작/보급: 한스리크

도움: 은평구보건소

Kiểm tra dịch mũi

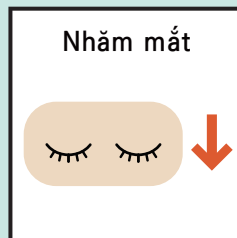
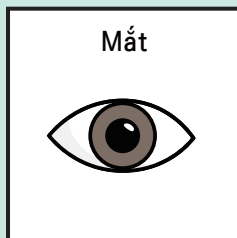


1.



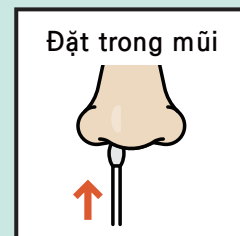
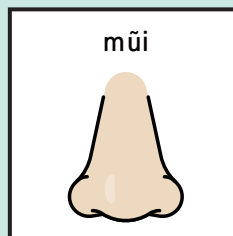
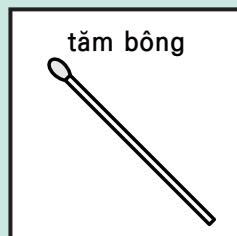
Ngửa đầu lui sau.

2.



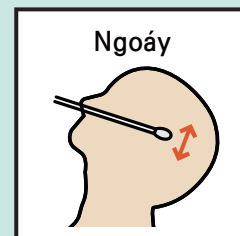
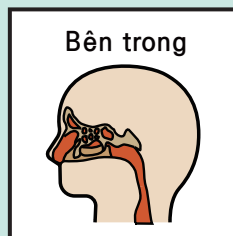
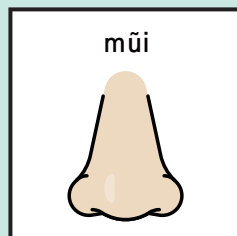
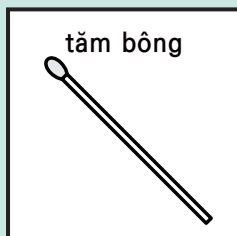
Nhắm mắt lại.

3.



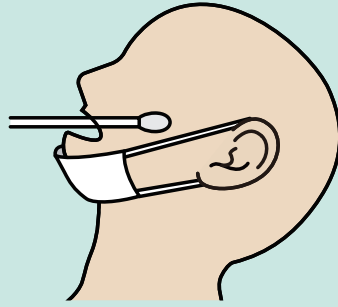
Bác sĩ sẽ đặt tăm bông vào trong mũi bạn.

4.

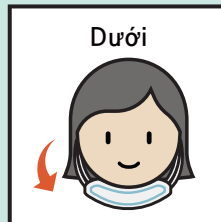
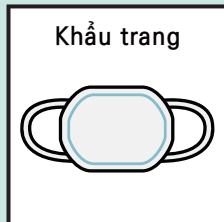


Sử dụng tăm bông để ngoáy dịch trong mũi.

Kiểm tra dịch miệng

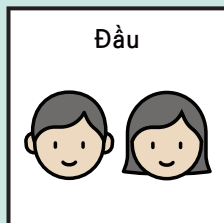


1.



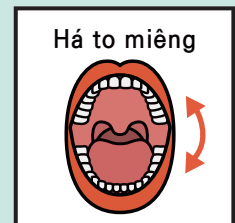
Kéo khẩu trang xuống dưới.

2.



Ngửa đầu lui sau.

3.



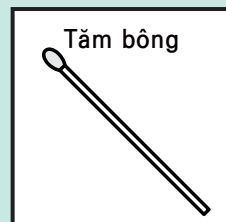
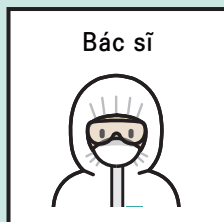
Há to miệng.

4.



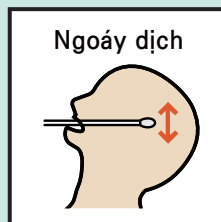
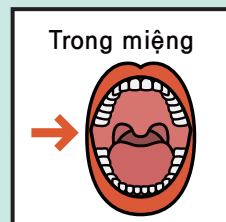
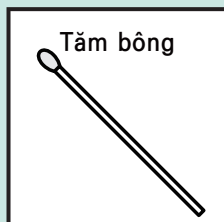
Nói âm "ah" kéo dài.

5.



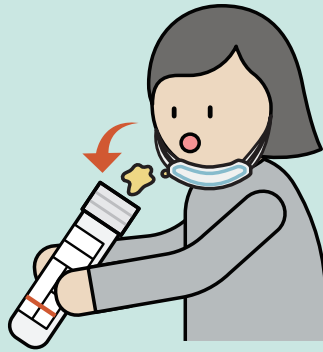
Bác sĩ sẽ lấy dịch trong miệng bạn bằng tăm bông.

6.

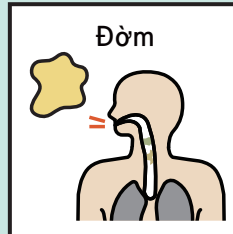
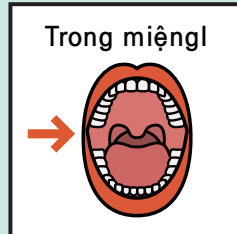


Dùng tăm bông để ngoáy dịch trong miệng.

Xét nghiệm đờm

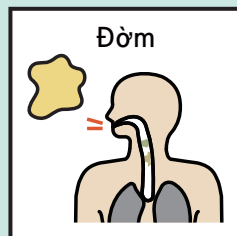
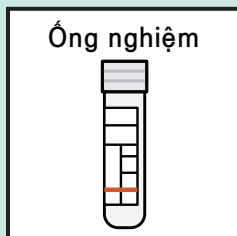


1.



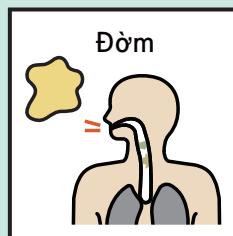
Đeo khẩu trang, giữ lại đờm trong miệng.

2.

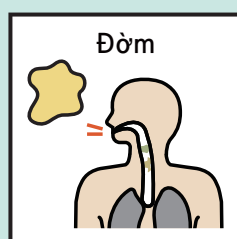
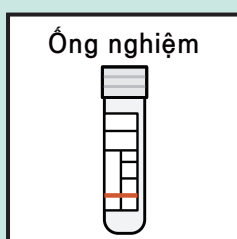


Nhỏ đờm vào trong ống nghiệm.

3.

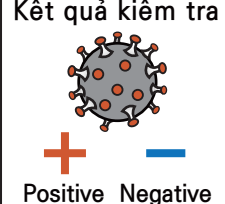


Nếu có đờm trong khi dịch miệng và dịch mũi thì.



Nhỏ đờm vào trong ống nghiệm.

- Kết quả kiểm tra



Ngày mai



Điện thoại



Tin nhắn điện thoại



Bạn sẽ nhận được kết quả vào tin nhắn vào ngày mai.

- Đi ra ngoài



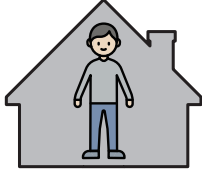
Không



Nhà



Ở nhà



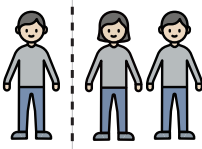
Bạn không được ra ngoài.

Bạn nên ở trong nhà.

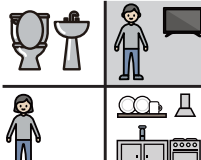
- Nhà



Giữ khoảng



Sinh hoạt



Giữ khoảng cách với người khác khi ở nhà.

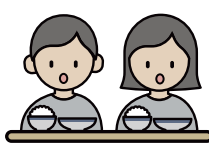
- Ăn một mình



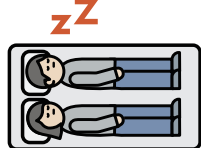
Ngủ một mình



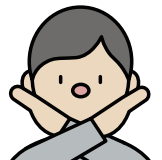
Ăn cùng nhau



Ngủ cùng nhau



Không

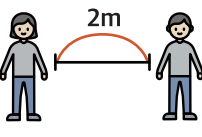


Bạn không thể ăn và ngủ cùng người khác.

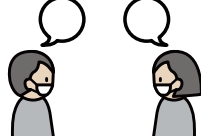
- Ăn và ngủ một mình



Giữ khoảng cách 2 mét



Nói chuyện
Nói chuy



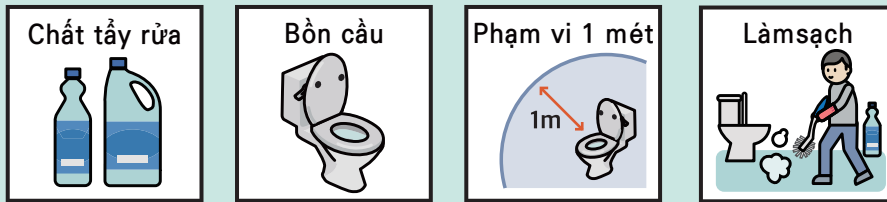
Trước khi nói chuyện, đeo khẩu trang, đứng cách nhau 2 mét.



Nếu có một phòng vệ sinh



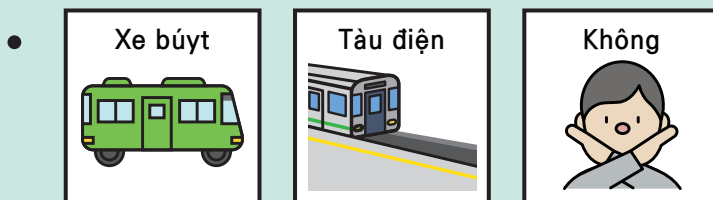
Xả nước sau khi đi vệ sinh.



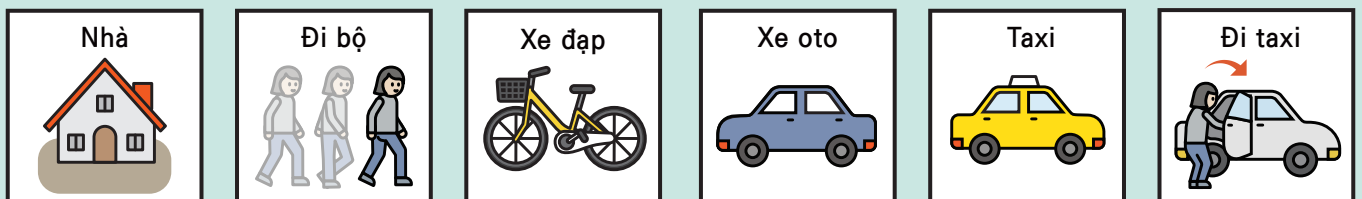
dùng chất tẩy rửa để làm sạch xung quanh bồn cầu phạm vi 1 mét.



Sau khi mở cửa sổ 10 phút, người khác có thể sử dụng.



Bạn không thể sử dụng xe buýt hoặc tàu điện ngầm.



Đi bộ, xe đạp, xe ôto hoặc đi taxi về nhà.



Ngồi chéo so với tài xế.